

TẬP ĐOÀN
BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM
BỆNH VIỆN BƯU ĐIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 2275/BVBD-VTTBYT
V/v: Công văn mời chào giá tư vấn

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2026

Kính gửi: Các đơn vị quan tâm

Bệnh viện Bưu điện đang thực hiện xác định Chi phí tư vấn lựa chọn nhà thầu cung ứng Vật tư tiêu hao & hóa chất cho Trung tâm Hỗ trợ Sinh sản và các vật tư y tế khác sử dụng tại Bệnh viện Bưu điện năm 2026 - 2027 – 2028 như sau:

1. Tên dự toán mua sắm dự kiến: Mua Vật tư tiêu hao & hóa chất cho Trung tâm Hỗ trợ Sinh sản và các vật tư y tế khác sử dụng tại Bệnh viện Bưu điện năm 2026 - 2027 - 2028.

2. Quy mô thực hiện: Dự kiến 91 danh mục vật tư y tế & hóa chất và công cụ dụng cụ với giá trị là 159.379.962.269 đồng và giá trị tùy chọn mua thêm là 46.917.394.070 đồng (chi tiết phụ lục đính kèm).

3. Nội dung Tư vấn lựa chọn nhà thầu cần mời nộp báo giá:

- Chi phí tư vấn lựa chọn nhà thầu (lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT).
- Chi phí Tư vấn thẩm định E-HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu.
- Thời gian thực hiện: 06 tháng kể từ ngày hợp đồng kinh tế có hiệu lực.

3. Yêu cầu chi tiết:

3.1. Nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

Stt	Nội dung
1	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế năm 2025.
2	Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm nhận Báo giá, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;
3	Có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có). Nhà thầu đáp ứng tính hợp lệ được xem xét, đánh giá trong các bước tiếp theo.

3.2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật bao gồm các nội dung sau đây:

TT	Nội dung	Yêu cầu mức đáp ứng tối thiểu
1	Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu	

TT	Nội dung	Yêu cầu mức đáp ứng tối thiểu
1.1	a) Đã thực hiện gói thầu có tính chất tương tự trong 03 năm gần đây. Cụ thể: - Đối với đơn vị tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT: Hợp đồng tương tự là hợp đồng tư vấn lập Hồ sơ mời thầu và đánh giá Hồ sơ dự thầu gói thầu Thiết bị y tế có giá trị đạt tối thiểu 350.635.917 đồng. - Đối với đơn vị tư vấn thẩm định E-HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu: Hợp đồng tương tự là hợp đồng tư vấn thẩm định E-HSMT và KQLCNT gói thầu Thiết bị y tế có giá trị đạt tối thiểu 175.317.958 đồng. - Tài liệu chứng minh: Sao y hoặc bản chụp chứng thực hợp đồng và tài liệu chứng minh giá trị hoàn thành của hợp đồng (Như biên bản thanh lý hợp đồng hoặc biên bản nghiệm thu hoặc hoá đơn GTGT hoặc xác nhận của Chủ đầu tư).	Hoàn thành của 02 hợp đồng
1.2	b) Các yếu tố khác Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn đấu thầu (tính theo số năm trong đăng ký kinh doanh). Trong trường hợp liên danh, tối thiểu 01 thành viên đáp ứng yêu cầu.	≥ 05 năm
2	Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu	
2.1	Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu	Có cam kết đầy đủ nội dung.
3	Nhân sự chủ chốt	
3.1	Tư vấn trưởng: 01	
3.1.1	Bằng cấp (Đính kèm scan bản gốc hoặc bản chụp chứng thực bằng cấp, chứng chỉ)	Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành kỹ thuật Điện - Điện tử hoặc Điện tử Y sinh hoặc Điện tử viễn thông hoặc Y, Dược hoặc kinh tế và có chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu
3.1.2	Tổng số năm kinh nghiệm, tính từ thời điểm tốt nghiệp đại học đến ngày có thời điểm nộp báo giá	≥ 10 năm

TT	Nội dung	Yêu cầu mức đáp ứng tối thiểu
3.1.3	- Đối với đơn vị tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT: Kinh nghiệm thực hiện công việc tương tự là tư vấn lập Hồ sơ mời thầu và đánh giá Hồ sơ dự thầu gói thầu Thiết bị y tế có giá trị đạt tối thiểu 350.635.917 đồng. - Đối với đơn vị tư vấn thẩm định E-HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu: Kinh nghiệm thực hiện công việc tương tự là thẩm định E-HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Thiết bị y tế có giá trị đạt tối thiểu 175.317.958 đồng. (Đính kèm sao y hoặc bản chụp chứng thực hợp đồng và Quyết định thành lập tổ chuyên gia/ Quyết định bổ nhiệm và tài liệu chứng minh đã hoàn thành hợp đồng)	≥ 03 hợp đồng
3.2	Chuyên gia tư vấn phụ trách kỹ thuật: 02	
3.2.1	Bằng cấp (Đính kèm scan bản gốc hoặc bản chụp chứng thực bằng cấp, chứng chỉ)	- Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành kỹ thuật Điện – Điện tử hoặc Điện tử Y sinh hoặc Điện tử viễn thông - Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu - Tối thiểu có 01 nhân sự có chứng chỉ đủ điều kiện tư vấn về kỹ thuật trang thiết bị y tế
3.2.2	Tổng số năm kinh nghiệm Tính từ thời điểm tốt nghiệp đại học đến ngày có thời điểm nộp báo giá	≥ 10 năm
3.2.3	- Đối với đơn vị tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT: Kinh nghiệm thực hiện công việc tương tự là tư vấn lập Hồ sơ mời thầu và đánh giá Hồ sơ dự thầu gói thầu Thiết bị y tế có giá trị đạt tối thiểu 350.635.917 đồng. - Đối với đơn vị tư vấn thẩm định E-HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu: Kinh nghiệm thực hiện công việc tương tự là thẩm định E-HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Thiết bị y tế có giá trị đạt tối thiểu 175.317.958 đồng. (Đính kèm sao y hoặc bản chụp chứng thực hợp đồng và Quyết định thành lập tổ chuyên gia/Quyết định bổ nhiệm và tài liệu chứng minh đã hoàn thành hợp đồng)	≥ 03 hợp đồng (Xét trên 01 nhân sự)
3.3	Chuyên gia tư vấn phụ trách tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm, tài chính: 01	

TT	Nội dung	Yêu cầu mức đáp ứng tối thiểu
3.3.1	Bằng cấp (Đính kèm scan bản gốc hoặc bản chụp chứng thực bằng cấp, chứng chỉ)	- Tốt nghiệp đại học trở lên - Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu
3.3.2	Tổng số năm kinh nghiệm Tính từ thời điểm tốt nghiệp đại học đến ngày có thời điểm nộp báo giá	≥ 10 năm
3.3.3	-Đối với đơn vị tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT: Kinh nghiệm thực hiện công việc tương tự là tư vấn lập Hồ sơ mời thầu và đánh giá Hồ sơ dự thầu gói thầu Thiết bị y tế có giá trị đạt tối thiểu 350.635.917 đồng. - Đối với đơn vị tư vấn thẩm định E-HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu: Kinh nghiệm thực hiện công việc tương tự là thẩm định E-HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Thiết bị y tế có giá trị đạt tối thiểu 175.317.958 đồng. (Đính kèm sao y hoặc bản chụp chứng thực hợp đồng và Quyết định thành lập tổ chuyên gia/ Quyết định bổ nhiệm và tài liệu chứng minh đã hoàn thành hợp đồng)	≥ 02 hợp đồng

4. Các tài liệu phải nộp.

4.1 Báo giá ký, đóng dấu kèm bảng xác định chi phí tư vấn và ủy quyền hợp lệ.

4.2 Hồ sơ đề xuất nhân sự kèm tài liệu đáp ứng yêu cầu ở mục 3.

Kính mời các Quý công ty quan tâm và gửi báo giá để xác định giá trị dự toán nêu trên tới địa chỉ sau:

Bệnh viện Bru điện:

- Số 49 phố Trần Điền, phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội

- Thời gian tiếp nhận: Trong giờ hành chính, từ 7h30 phút ngày 08/8/2026 đến 16h30 phút ngày 12/8/2026

- Người tiếp nhận: Bà Lương Thị Hạnh - Chuyên viên phòng Vật tư – TBYT

- Số điện thoại: 094.427.2244

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;

- Giám đốc Bệnh viện (để báo cáo);

- Lưu: VTTBYT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Trường Giang

PHỤ LỤC ĐỊNH KÈM CÔNG VĂN

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
1	Bao đầu dò siêu âm chuyên dụng	Cái	21.350	6.400	36.540	780.129.000	233.856.000	- Không có các chất bôi trơn và chất diệt tinh gây ảnh hưởng đến chất lượng của tinh trùng/trứng /phôi. - Nguyên liệu: Màng cao su tự nhiên; - Chiều dài (mm): 295 ($\pm$ 10). Chiều rộng (mm): 44 ($\pm$ 2); - Độ dày thành bao (mm): 0,18 ($\pm$ 0,07);	Không yêu cầu	Thiết bị y tế
2	Bao nylon bọc dây đầu dò	Cái	23.700	7.100	14.700	348.390.000	104.370.000	- Nguyên liệu: Màng nhựa; - Kích thước: Đường kính 150mm; - Tiệt trùng từng cái.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế
3	Coda Filter (Màng lọc cho máy lọc khí trong tủ cấy)	Cái	166	-	5.544.000	920.304.000	,	- Gồm lớp lọc than hoạt tính kết hợp với màng lọc HEPA 99,997%; - Có thể loại bỏ các hạt bụi bẩn, tế bào mốc, vi khuẩn cũng như hấp thụ các loại khí VOCs và CACs trong tủ nuôi cấy như: styrene, ethanol, toluen, benzene, chloroethane, carcinogens, nonane, xylene; - Tiệt trùng bằng chiếu xạ hoặc tương đương. - Tương thích với máy lọc khí Coda®2 Incubator Unit	Không yêu cầu	Thiết bị y tế
4	Gas Line Filter (màng lọc khí CO2 dẫn vào tủ cấy)	Cái	176	-	5.500.000	968.000.000	-	- Có thể gắn vào đường khí nguồn cấp vào các tủ cấy, tủ thao tác dùng trong các quy trình hỗ trợ sinh sản hay thụ tinh trong ống nghiệm;	Không yêu cầu	Thiết bị y tế

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								- Lọc được $\geq 99\%$ các chất ô nhiễm như các hạt bụi bản, vi khuẩn; các loại hợp chất hữu cơ bay hơi (VOCs) tồn tại trong các bình khí nguồn CO₂/ N₂/hỗn hợp; - Cấu tạo: gồm các lớp màng lọc than hoạt tính và HEPA (hoặc tương đương) được nén lại.		
5	Dụng cụ chứa phôi dùng để đông phôi	Cái	62.690	18.800	510.000	31.971.900.000	9.588.000.000	- Tổng chiều dài của cọng trữ phôi với nắp: ≥ 133 mm, chiều dài nắp: 65 mm; - Chiều dài của cọng trữ phôi: $\geq 104,5$mm; - Độ rộng bản load phôi: $\geq 1,4$mm; - Chiều dài của bản load phôi: $\geq 18,5$ mm; - Có đủ 5 màu sắc khác nhau để phân biệt; - Tiệt trùng bằng tia chiếu xạ gamma hoặc tương đương.	G7	Thiết bị y tế
6	Cọng bảo quản phôi noãn	Cái	5.550	1.660	525.000	2.913.750.000	871.500.000	Gồm thanh nhựa gắn miếng phim có tác dụng trữ phôi, có nắp đậy, trên cán thanh nhựa có màu sắc rõ nét giúp nhận diện bề mặt chứa phôi; - Tổng chiều dài: ≥ 130mm (± 4mm); - Chiều dài thân: ≥ 88mm - Miếng phim chứa phôi phẳng: Chiều dài 18mm (± 2mm), Rộng $\geq 1,0$mm; - Tiệt trùng: Bằng tia chiếu xạ	G7	Thiết bị y tế
7	Đĩa petri 35mm, có MEA tested	Cái	185.000	55.500	12.000	2.220.000.000	666.000.000	- Diện tích nuôi cấy: 8.8 cm²;	EU	Thiết bị y tế

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								- Đường kính: 35 mm, chiều cao: 11 mm; - Nắp đậy có thiết kế thông hơi giúp quá trình trao đổi khí được thuận lợi; - Nắp và thân hình trụ; không có: diềm, ngạnh, tai; - Khử trùng bằng chiếu xạ : $SAL \leq 10^{-6}$; - Vật liệu polystyrene kiểm nghiệm USP cấp VI; - Kiểm nghiệm nội độc tố (LAL): ≤ 20 EU/cái hay ≤ 0.5 EU/ml; - Kiểm nghiệm MEA: + >80% phôi thử nghiệm $\rightarrow$ 1 tế bào thành phôi nang trong 96 giờ - Kiểm nghiệm HSSA: + Kiểm soát và thử nghiệm khả năng di động tiến triển của tinh trùng sau 24 giờ >70%.		
8	Đĩa nuôi cấy 35mm, Chiều cao ngoài: 10 mm.	Chiếc	12.600	3.600	15.225	191.835.000	54.810.000	- Đường kính ngoài: 35 mm; - Chiều cao ngoài: 10mm; - Kiểm nghiệm MEA-test, HSSA test. - Vật liệu polystyrene được kiểm nghiệm USP cấp VI; - Không chứa Bisphenol A; - Khử trùng bằng chiếu xạ; sản xuất đóng gói trong phòng sạch. - Đĩa dạng trụ, không có diềm, ngạnh, tai.	G7	Thiết bị y tế
9	Đĩa petri 60mm, có MEA tested	Cái	8.400	2.400	14.000	117.600.000	33.600.000	- Diện tích nuôi cấy: 21,5 cm²;	EU	Thiết bị y tế

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								- Đường kính: 54 mm, chiều cao: 11mm-14 mm; - Thân và nắp đĩa hình trụ, không có: diềm, ngạnh, tai; - Đường kính nắp: 57mm (± 2mm), Chiều cao nắp: 10mm (± 0.5mm); - Khử trùng bằng chiếu xạ hoặc tương đương, mức độ an toàn tiệt trùng (chiều xạ): $\leq 10^{-6}$; - Vật liệu polystyrene kiểm nghiệm USP cấp VI; - Kiểm nghiệm MEA-test, không chứa nội độc tố gây sốt (non- pyrogenic).		
10	Đĩa nuôi cấy trứng, có MEA tested. Kích thước: ≥ 88 mm và $\leq 92,5$ mm	Cái	10.200	3.000	22.900	233.580.000	68.700.000	- Diện tích nuôi cấy: 56,7-67 cm²; - Đường kính: 88-92,5 mm; - Chiều cao ngoài: 15-20 mm; - Khử trùng bằng chiếu xạ, mức độ an toàn tiệt trùng (chiều xạ): $\leq 10^{-6}$; - Chất liệu polystyrene kiểm nghiệm USP cấp VI; - Kiểm nghiệm MEA-test, không chứa nội độc tố gây sốt (non- pyrogenic).	Nhóm EU hoặc G7	Thiết bị y tế
11	Đĩa petri 90mm, có MEA tested	Cái	3.600	960	31.350	112.860.000	30.096.000	- Đường kính: 90 -95 mm; - Chất liệu: polystyrene; - Đáy phẳng, cạnh thon; - Khử trùng bằng chiếu xạ hoặc tương đương; - Nội độc tố: ≤ 0.25 EU/đĩa; - Kiểm nghiệm MEA-test;	Không yêu cầu	Thiết bị y tế
12	Đĩa nuôi cấy 4	Cái	35.880	10.680	46.000	1.650.480.000	491.280.000	- Diện tích nuôi cấy: 1,9	Nhóm EU	Thiết bị y

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
	giếng							cm2; hoặc dung tích nuôi cấy 1,8 ml; - Kích thước (mm): 66 x 66 (±2 mm); - Khử trùng bằng chiếu xạ, mức độ an toàn diệt trùng (chiếu xạ): 10 ⁻⁶ ; - Vật liệu kiểm nghiệm USP cấp VI; - Kiểm nghiệm MEA-test, không chứa nội độc tố gây sốt (non- pyrogenic).	hoặc G7	tế
13	Môi trường lọc tinh trùng	ml	14.700	4.400	36.000	529.200.000	158.400.000	- Upper layer 45% + pH=7.20 - 7.60; + Độ thẩm thấu: 310 - 340 mOsm/kg; + Sàng lọc nấm, vi khuẩn: Âm tính; + Nội độc tố vi khuẩn: < 0.5 EU/ml; - Lower layer 90% + pH=7.20 - 7.60; + Độ thẩm thấu: 320 - 350 mOsm/kg; + Sàng lọc nấm, vi khuẩn: Âm tính; + Nội độc tố vi khuẩn: <0.5 EU/ml; + Tỷ trọng: 1.1050 - 1.1150 g/ml; + Thử nghiệm khả năng sống sót của tinh trùng: ≥ 80%; + Độ nhớt: < 1.65 cP. - Đóng gói: ≤ 50ml/lọ	EU	Thiết bị y tế
14	Môi trường để rửa tinh trùng	ml	13.250	3.750	12.500	165.625.000	46.875.000	- Thành phần: không chứa phenol đỏ, hệ đệm HEPES, bicarbonate, muối sinh lý,	EU	Thiết bị y tế

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								glucose, lactate, pyruvate; - Nồng độ HSA: 3,2-4,8 g/lit; - pH=7,30-7,60; - Độ thẩm thấu: 270-290 mOsm/kg; - Sàng lọc vi khuẩn: Âm tính; - Sàng lọc nấm: Âm tính; - Kiểm nghiệm nội độc tố (LAL): <0,25 EU/ml; - Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào): ≥80%; - Đóng gói ≤ 50 ml/lọ.		
15	Môi trường thu tinh chứa HAS	ml	80.040	24.000	84.900	6.795.396.000	2.037.600.000	- Thành phần: Alanine, Alanyl-glutamine, Asparagine, Aspartate, Calcium chloride, EDTA, Fructose, Gentamicin, Glucose, Glutamate, Glycine, Human serum albumin, Magnesium sulphate, Potassium chloride, Proline, Serine, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Sodium dihydrogen phosphate, Sodium lactate, Sodium pyruvate, Taurine, Nước tiêm; - Môi trường đậm bicarbonate chứa Albumin huyết thanh người; - pH (tại +37°C, 6% CO ₂): 7.30 ± 0.10; - Độ thẩm thấu: 280 ± 5 mOsm/kg; - Mức độ tiệt trùng: Không có bằng chứng tăng trưởng của vi sinh;	EU	Thiết bị y tế

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								- Kiểm nghiệm nội độc tố (LAL): < 0.25 EU/ml; - Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ) [%]: ≥ 80; - Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (số lượng tế bào túi phôi trong vòng 96 giờ): Không có sự khác biệt về thống kê.		
16	Môi trường xử lý trứng chứa HAS	ml	58.410	17.520	68.040	3.974.216.400	1.192.060.800	- Thành phần: Alanine, Alanyl-glutamine, Asparagine, Aspartate, Calcium chloride, Gentamicin, Glucose, Glutamate, Glycine, Albumin huyết thanh người, Magnesium sulphate, MOPS, Potassium chloride, Proline, Serine, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Sodium dihydrogen phosphate, Sodium hydroxide, Sodium lactate, Sodium pyruvate, Taurine, Nước tiêm; - Hệ đệm MOPS; - pH (tại +37°C và 6% CO₂): $7,27 \pm 0,07$; - Độ thẩm thấu: 280 ± 5 mOsm/kg; - Mức độ an toàn tiệt trùng (lọc tiệt trùng): Không có bằng chứng tăng trưởng vi sinh; - Kiểm nghiệm nội độc tố (LAL): < 0.25 EU/ml;	EU	Thiết bị y tế

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								- Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ) [%]: ≥ 80; - Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (số lượng tế bào túi phôi trong vòng 96 giờ): Không có sự khác biệt về thống kê;		
17	Dung dịch rửa và làm sạch cổ tử cung	ml	142.875	42.750	12.495	1.785.223.125	534.161.250	- Thành phần: Calcium chloride, Gentamicin, Magnesium sulphate, Potassium chloride, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Sodium pyruvate, Nước tiêm. - Hệ đệm bicarbonate; pH (tại +37°C và 6% CO₂): 7,30 $\pm$ 0,10; - Độ thẩm thấu: 280 $\pm$ 5 mOsm/kg; - Mức độ tiệt trùng: Không có bằng chứng tăng trưởng vi sinh; - Kiểm nghiệm nội độc tố (LAL): < 0.25 EU/ml; - Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ) [%]: ≥ 80; - Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (số lượng tế bào túi phôi trong vòng 96 giờ): Không có sự khác biệt về thống kê.	EU	Thiết bị y tế
18	Dung dịch loại bỏ tế bào chứa	Bộ	586	175	4.540.200	2.660.557.200	794.535.000	- Thành phần: Calcium chloride, Gentamicin, di-	EU	Thiết bị y tế

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
	Hyaluronidase và Albumin huyết thanh người							Sodium hydrogen phosphate, Albumin huyết thanh người, Hyaluronidase, Magnesium chloride, Potassium chloride, Potassium dihydrogen phosphate, Sodium chloride, Nước tiêm; - pH (tại +37°C và môi trường xung quanh): 7.27 ± 0.07 ; - Độ thẩm thấu: 280 ± 5 mOsm/kg; - Mức độ tiệt trùng: Yêu cầu đạt; - Kiểm nghiệm nội độc tố (LAL): < 0.5 EU/ml; - Thử nghiệm loại bỏ tế bào cumulus: yêu cầu đạt.		
19	Môi trường chuẩn bị tinh trùng	ml	54.625	16.375	38.100	2.081.212.500	623.887.500	- Môi trường đệm bicarbonate và đệm HEPES chứa Albumin huyết thanh người; - pH: 7.25-7.50; - Độ thẩm thấu [mOsm/kg]: 290 ± 5 ; - Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: < 0.4 ; - Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào): $\geq 80\%$; - Thành phần: Gentamicin, Glucose, HEPES, Albumin huyết thanh người, Magnesium sulphate, Potassium chloride, Potassium dihydrogen phosphate, Sodium	Không yêu cầu	Thiết bị y tế

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								bicarbonate, Sodium chloride, Sodium pyruvate.		
20	Môi trường nuôi cấy phôi liên tục	ml	37.160	11.120	141.250	5.248.850.000	1.570.700.000	- Dùng trong các quy trình hỗ trợ sinh sản: thao tác với giao tử, nuôi cấy phôi người từ khi thụ tinh đến ngày 5/6; - Thành phần: 19 loại amino acid, muối (Sodium Chloride, Potassium Chloride, Potassium Phosphate, Calcium Chloride, Magnesium Sulfate, Sodium Citrate); cơ chất tạo năng lượng, protein huyết thanh người, EDTA, Hydrochloric Acid, kháng sinh gentamicin; - Kiểm nghiệm: MEA, LAL, HSSA; - Tiệt trùng (SAL): $\leq 10^{-3}$.	G7	Thiết bị y tế
21	Môi trường dùng để tinh sạch tinh trùng	ml	28.200	8.400	58.695	1.655.199.000	493.038.000	- Môi trường Gradient tiệt trùng gồm 2 lớp: + Lớp trên (40-45%) có độ thẩm thấu 285-340 mOsm/kg + Lớp dưới (80-90%) có độ thẩm thấu: 280-340 mOsm/kg - pH: 7,2 - 7,6 - Thử nghiệm nội độc tố (LAL): $< 0,5$ EU/ml - Thử nghiệm khả năng sống sót của tinh trùng người: $\geq 80\%$ - Thành phần chứa: HEPES, Silane coated silica, Gentamicin - Đóng gói: ≤ 100 ml/lọ	Không yêu cầu	Thiết bị y tế

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								- Tiêu chuẩn chất lượng ISO hoặc tương đương		
22	Môi trường dùng để phân loại tinh trùng pha chế sẵn	ml	15.300	4.560	78.900	1.207.170.000	359.784.000	Môi trường Gradient gồm 2 lớp: - Mức độ an toàn diệt trùng (lọc diệt trùng): $\leq 10^{-3}$; - pH: 7.60 ± 0.30 ; - Độ thẩm thấu: 290-353 mOsm/kg; - Thành phần: Calcium chloride, Glucose, HEPES, Magnesium sulphate, mono-Potassium hydrogen phosphate, Potassium chloride, Hạt keo silica phủ silane, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Sodium lactate, Sodium pyruvate.	Nhóm EU hoặc G7	Thiết bị y tế
23	Môi trường cố định và cô lập tinh trùng	ml	294	88	11.498.000	3.380.412.000	1.011.824.000	- Môi trường cố định và cô lập tinh trùng trước khi làm ICSI; - Dung dịch dạng nhớt chứa albumin huyết thanh người dùng để xử lý tinh trùng; - Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: $< 1,0$; - Tỷ lệ sống sót của tinh trùng: $\geq 40\%$; - Thành phần: EDTA, Glucose, Magnesium sulphate, Potassium chloride, Potassium dihydrogen phosphate, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, pyruvate, Nước tiệt.	EU	Thiết bị y tế

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
24	Kim chọc hút trứng một nòng dài $\geq 32\text{cm}$ và $\leq 32,5\text{cm}$	Cái	13.650	4.090	455.000	6.210.750.000	1.860.950.000	- Đơn nòng, đốc kim dạng khóa vận (luer-lock) dùng cắm trực tiếp vào bơm tiêm không qua dây dẫn trung gian; - Đầu kim có đánh dấu vang âm (echogenic marking); - Chiều dài kim: $\geq 32\text{ cm}$, $\leq 32,5\text{cm}$, 17G. - Tiệt trùng bằng chiếu xạ hoặc EO, mức độ tiệt trùng : $\text{SAL} \leq 10^{-6}$; - Chất liệu: Thép không gỉ; - Kiểm nghiệm nội độc tố (LAL): $\leq 20\text{EU/cái}$; - Kiểm nghiệm MEA: thử nghiệm 1 tế bào $\geq 80\%$ sau 96 giờ; - Kiểm nghiệm độc tính tế bào, test thử dưới da.	G7	Thiết bị y tế
25	Kim chọc nang thu nhận noãn	Cái	2.420	720	453.600	1.097.712.000	326.592.000	- Gồm 1 nòng, đầu kim có 3 cạnh vát ; - Phản xạ siêu âm cao hơn với công nghệ khắc - Thành mỏng và cứng - Chiều dài kim: 300 mm; - Đường kính ngoài / trong: 1,4 / 1,0 mm; - Nối với bơm tiêm bằng khóa Leur; - Tiệt trùng bằng chiếu xạ	G7	Thiết bị y tế
26	Kim chọc hút trứng bằng tay	Chiếc	4.060	1.210	386.000	1.567.160.000	467.060.000	- Kim chọc hút trứng bằng tay 17G, 30cm. - Đầu kim tăng cường phản âm, mũi kim vát 3 cạnh. - Cán kim thiết kế công thái học dễ dàng kiểm soát cầm	G7	Thiết bị y tế

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								- nằm trong quá trình chọc hút. - Đầu nối luer-lock để kết nối với ống tiêm. - Đóng gói, tiệt trùng bằng ETO đơn chiếc. - Đạt kiểm nghiệm MEA test $\geq 80\%$, LAL test $\leq 20\text{EU}/\text{đơn vị}$.		
27	Kim chọc nang lạc nội mạc	Cái	183	54	395.000	72.285.000	21.330.000	- Kim chọc hút trứng bằng tay 16G, chiều dài $35 \pm 0,5$ cm. - Đầu kim tăng cường phản âm, mũi kim vát 3 cạnh. - Cán kim thiết kế công thái học dễ dàng kiểm soát cầm nắm trong quá trình chọc hút. - Đầu nối luer-lock để kết nối với bơm tiêm. - Đóng gói, tiệt trùng bằng ETO đơn chiếc. - Đạt kiểm nghiệm MEA test, LAL test .	Không yêu cầu	Thiết bị y tế
28	Kim giữ trứng $\geq 20^\circ$ và $\leq 35^\circ$	Cái	1.850	550	359.000	664.150.000	197.450.000	- Vật liệu: Thủy tinh; - Kích thước trong: ID = 15-30 μm; - Kích thước ngoài: OD = 100-120 μm; - Góc đầu kim từ 20° - 35°; - Chiều dài từ mũi kim đến khuỷu: $\leq 1\text{mm}$; - Đầu kim phẳng và vuông để hỗ trợ tốt hơn cho tế bào trứng và phôi; - Đóng gói tiệt trùng từng chiếc; - Kiểm nghiệm MEA-test; - Kiểm nghiệm nội độc tố.	G7	Thiết bị y tế

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
29	Kim hỗ trợ tạo phôi	Cái	840	250	296.100	248.724.000	74.025.000	- Chất liệu: Thủy tinh borosilicate; - Đường kính trong: 20µm, đường kính ngoài: 120µm; - Đầu kim với góc nghiêng 35 độ ; - Chiều dài tip: 600µm-700µm; Chiều dài tổng: 54-56mm - Tiệt trùng từng cái. - MEA test, LAL.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế
30	Kim tiêm tinh trùng vào noãn 35 độ	Cái	14.910	4.470	485.000	7.231.350.000	2.167.950.000	- Kích thước: ID 4.5-5.0µm; OD: 6-7 µm; - Đầu kim được thiết kế với các góc từ 0° - 35 °; Chiều dài từ mũi kim đến khuỷu là 0.55mm; - Chất liệu: Thủy tinh; - Tiệt trùng từng cây.	G7	Thiết bị y tế
31	Kim tiêm trứng	Cái	4.390	1.310	459.900	2.018.961.000	602.469.000	- Dùng thao tác với giao tử và phôi người trong các quy trình hỗ trợ sinh sản; - Vật liệu: Thủy tinh borosilicate; - Đường kính trong: ID = 4.0-5.5 µm; - Góc đầu kim từ 20° - 35°; - Chiều dài từ mũi kim đến khuỷu: Khoảng 0.6-1mm; - Góc vát đầu kim (bevel) 20° ; 30°; - Kim có phần côn dài song song cho khả năng kiểm soát chất lỏng; - Đóng gói tiệt trùng từng chiếc: SAL ≤ 10⁻⁶ - Kiểm nghiệm phôi chuột	Không yêu cầu	Thiết bị y tế

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								(MEA 1 tế bào, 96 giờ): $\geq 80\%$ mở rộng thành phôi nang; - Kiểm nghiệm nội độc tố: ≤ 20 EU/cái.		
32	Kim sinh thiết phôi 45 độ	Cái	30	9	485.000	14.550.000	4.365.000	- Kích thước: ID 25 μm ; - Đầu kim được thiết kế với các góc từ 0° - 45° ; Chiều dài từ mũi kim đến khuỷu là 0,55 mm; - Đầu bằng hoặc đầu vát; - Chất liệu: Thủy tinh; - Tiệt trùng từng cây.	G7	Thiết bị y tế
33	Lọ đựng tinh trùng 150ml	Chiếc	33.250	9.800	7.500	249.375.000	73.500.000	- Chất liệu Polypropylen, nắp vận màu đỏ; - Chiều cao: 75 ± 1 mm, đường kính nắp: 62 ± 1 mm, đường kính đáy: 48 ± 1 mm, đường kính miệng: 55 ± 2 mm; - Thể tích: 150ml; - Tiệt trùng đóng gói từng cái.	EU	Thiết bị y tế
34	Lọ chứa tinh trùng 120ml	Cái	24.500	7.350	7.900	193.550.000	58.065.000	- Lọ chứa thể tích 120ml có nhãn mờ - Vật liệu: polypropylene với nắp vận màu đỏ - Đóng gói tiệt trùng từng cái	EU	Thiết bị y tế
35	Đĩa 3 giếng	Cái	1.120	330	170.000	190.400.000	56.100.000	- Chất liệu: Polystyrene; - Cấu tạo gồm: 3 giếng hình nón; - Thực hiện quy trình thủy tinh hóa và rửa đông - Có khe để cố định để đặt dụng cụ chứa phôi.	G7	Thiết bị y tế
36	Đĩa dùng cho đông phôi	Cái	9.240	2.770	300.000	2.772.000.000	831.000.000	- Dùng cho kỹ thuật thủy tinh hóa trong trữ đông	G7	Thiết bị y tế

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								phôi/noãn; - Kích thước đĩa: 65 x 25 x10mm ($\pm$ 3 mm mỗi chiều); - Chất liệu: polystyrene; - Cấu tạo gồm 3 giếng hình bán cầu ở mặt trước hạn chế tạo điểm mù; - Có khe đặt dụng cụ chứa phôi ở mặt sau; - Có rãnh nhả dung dịch thừa; - Tiết trùng bằng chiếu xạ.		
37	Môi trường bảo quản phôi noãn	Kit	1.113	333	4.500.000	5.008.500.000	1.498.500.000	- Môi trường chứa DMSO dùng để bảo quản lạnh phôi cho tất cả các giai đoạn phát triển từ giai đoạn sớm đến giai đoạn phôi blastocyst bằng phương pháp thủy tinh hóa; - Tỷ lệ sống trên 90% cho cả hệ thống đóng và mở có sẵn; - pH: 7,2-7,6 - Nội độc tổ vi khuẩn: LAL [EU/mL]: < 0,25; - Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ) [%]: $\geq$ 80, bao gồm: + 1 ống môi trường BS (Basic Solution): 1,5 ml + 1 ống môi trường ES (Equilibration Solution): 1,5 ml + 2 ống môi trường VS (Vitrification Solution): 2x1,5 ml - Dùng cho 4 - 5 lần đông.	G7	Thiết bị y tế

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
38	Môi trường rã đông nhanh noãn và phôi	Kit	2.108	632	4.950.000	10.434.600.000	3.128.400.000	Môi trường chứa: HPC, Trehalose, DMSO, Ethylene Glycol, Gentamicin, Hydroxypropyl Cellulose; Dùng để rã đông phôi cực nhanh từ giai đoạn trứng đến giai đoạn túi phôi giúp thời gian tối thiểu (1 phút), sống sót tối đa, - Bao gồm: 4 ống môi trường TS (Thawing Solution): 4x4 ml; - Dùng cho 4 lần rã; - LAL, MEAtest	G7	Thiết bị y tế
39	Dầu Parafin phủ đĩa nuôi cấy	ml	153.300	45.900	22.000	3.372.600.000	1.009.800.000	- Dùng phủ môi trường trong IVF và các kỹ thuật vi thao tác; - Thành phần: dầu paraffin nhẹ; - Độ nhớt: 22.4 (±2.1) cP ở 30 độ C; - Tỷ trọng: 851.00 (±4.4) mg/ml ở 30 độ C; - Tiệt trùng bằng phương pháp lọc, mức độ tiệt trùng: SAL ≤ 10 ⁻³ ; - Kiểm nghiệm nội độc tố vi khuẩn (LAL): ≤ 0.25 EU/ml; - Kiểm nghiệm MEA: ≥ 80% phôi thử nghiệm → 1 tế bào thành phôi nang trong 96 giờ; - Kiểm nghiệm MEA vi giọt: số lượng phôi từ 1 tế bào thành phôi nang sau 96 giờ giữa nhóm kiểm nghiệm và nhóm đối chứng không có sự	EU	Thiết bị y tế

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								khác biệt mang ý nghĩa thống kê; - Thử nghiệm dầu với tinh trùng người: yêu cầu đạt.		
40	Dầu phủ môi trường nuôi cây	ml	421.500	126.400	11.340	4.779.810.000	1.433.376.000	- Dùng phủ môi trường nuôi cấy khi thao tác với giao tử và phôi; - Thành phần: Dầu khoáng nhẹ hoặc dầu paraffin nhẹ; - Tiệt trùng : Mức độ tiệt trùng: SAL ≤ 10 ⁻³ ; - Thử nghiệm nội độc tố LAL, tương thích sinh học MEA.	Nhóm EU hoặc G7	Thiết bị y tế
41	Môi trường đông tinh	ml	600	160	117.600	70.560.000	18.816.000	- Môi trường đệm MOPS hoặc HEPES; - pH : 7,2-7,65; - Nội độc tố: < 1,0EU/ml; - Thử nghiệm khả năng sống sót của tinh trùng người: ≥ 50%; - Thành phần: Glucose, Glycerol, Potassium chloride, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Nước tiệt.	EU	Thiết bị y tế
42	Bơm xi lanh có đầu xoáy 10ml	Chiếc	220.100	66.000	3.775	830.877.500	249.150.000	- Chất liệu: Polypropylene, không chứa cao su tự nhiên, không chứa PVC (polyvinylchloride); - Dung tích: 10 ml, đầu xoắn (luer lock); - Không gắn sẵn kim tiêm; - Không chứa chất gây sốt; - Đóng gói riêng từng cái, khử trùng bằng EO; - Có chứng nhận CE.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
43	Bơm xi lanh đầu thẳng 1ml	Chiếc	11.200	3.300	3.990	44.688.000	13.167.000	- Chất liệu: Polypropylene, không chứa cao su tự nhiên, không chứa PVC (polyvinylchloride); - Dung tích: 1 ml, đầu thẳng (luer slip); - Gắn sẵn kim tiêm 1ml 27G 1/2; - Không chứa chất gây sốt; - Đóng gói riêng từng cái, khử trùng bằng EO; - Có chứng nhận CE.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế
44	Tube 14ml đáy tròn	Cái	13.000	3.500	10.600	137.800.000	37.100.000	- Thể tích ống 14ml; - Chất liệu polystyrene trong suốt, đáy tròn; - Bề mặt kỵ nước, trơn về mặt sinh học để phục hồi tốt tế bào / protein; - Ổn định từ 4° C đến 60° C; - Có thể chịu được lực ly tâm lên đến 1400 rcf; - Chất liệu nắp đáy polyethylene, hai nắp; - Không chứa DNase/RNase; - Tiệt trùng (SAL): $\leq 10^{-3}$; - Non-Pyrogenic; - Endotoxins: ≤ 4 EU/device; - Kích thước: + Chiều cao của ống: 96 mm (± 2mm); + Đường kính ngoài của ống: 16 mm (± 1mm).	Không yêu cầu	Thiết bị y tế
45	Ống nghiệm 14 ml (MEA, HSSA TESTED), đóng gói tiệt trùng từng cái	Chiếc	10.500	3.000	8.820	92.610.000	26.460.000	- Chiều cao tổng : 100 ± 5 mm; - Đáy tròn, nắp chụp 2 nắp: nắp 1 cho phép trao đổi khí, nắp 2 để bịt kín;	Không yêu cầu	Thiết bị y tế

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								- Chia độ 0,5 ml, vạch chia màu trắng; - Không độc, không gây sốt; - Kiểm nghiệm MEA-test, HSSA test, dán dấu CE; - Chất liệu polystyrene kiểm nghiệm USP cấp VI; - Không chứa Bisphenol A; - Tiệt trùng bằng chiếu xạ; sản xuất đóng gói trong phòng sạch; - Đóng gói tiệt trùng từng chiếc.		
46	Tube 5ml đáy tròn	Cái	14.000	4.000	8.150	114.100.000	32.600.000	- Thể tích ống 5ml; - Chất liệu polystyrene trong suốt, đáy tròn; - Bề mặt kỵ nước, trơn về mặt sinh học để phục hồi tốt tế bào / protein; - Ổn định từ 4° C đến 60° C; - Có thể chịu được lực ly tâm lên đến 1400 rcf; - Chất liệu nắp đáy polyethylene, hai nắp; - Không chứa DNase/RNase; - Tiệt trùng (SAL): $\leq 10^{-3}$; - Non-Pyrogenic; - Endotoxins: ≤ 4 EU/device; - Kích thước: + Chiều cao của ống: 76 mm (± 2mm); + Đường kính ngoài ống: 12 mm (± 1mm).	Không yêu cầu	Thiết bị y tế
47	Ống nghiệm 5 ml	Chiếc	9.500	2.500	7.200	68.400.000	18.000.000	- Chiều cao tổng : 75 ± 2 mm; - Đáy tròn, nắp chụp 2 nắp: Nắp 1 cho phép trao đổi khí,	Không yêu cầu	Thiết bị y tế

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								nắc 2 để bịt kín; - Không độc; - Kiểm nghiệm MEA-test, HSSA test, dán dấu CE; - Chất liệu polystyrene kiểm nghiệm USP cấp VI; - Không chứa Bisphenol A; - Khử trùng bằng chiếu xạ; sản xuất đóng gói trong phòng sạch; - ISO 13485 hoặc tương đương.		
48	Găng phẫu thuật không bột	Đôi	120.750	36.200	9.000	1.086.750.000	325.800.000	- Không có bột; - Chất liệu: Cao su; - Lòng bàn tay nhám (palm textured), bề mặt chống trượt để tạo độ nhạy tối ưu khi sử dụng; - Độ đàn hồi cao, mềm và cho cảm giác thật khi sử dụng; - Tiệt trùng bằng chiếu xạ hoặc tương đương; - Đầu ngón tay cong.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế
49	Catheter bơm tinh trùng 17 cm	Cái	3.000	900	50.600	151.800.000	45.540.000	- Chiều dài: 17cm; - Đầu tip kiểu đóng, có lỗ ở cả 2 bên; - Không thấm, có thể điều chỉnh được; - Khử trùng bằng chiếu xạ; - Đóng gói riêng từng cái.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế
50	Dụng cụ chuyển phôi đầu tròn	Cái	14.805	4.441	577.500	8.549.887.500	2.564.677.500	- Catheter chuyển phôi: Thân kim loại trợ cứng, phần đầu xa mềm, đầu trơn nhẵn. + Dài: ≥ 250 mm đến ≤ 300 mm; + Đường kính trong : $\geq 0,5$	Không yêu cầu	Thiết bị y tế

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								mm; + Đường kính ngoài: ≤ 3 mm; - Tiệt trùng bằng ETO; - Đóng gói riêng từng cái. - Kiểm nghiệm MEA - test, không chứa nội độc tố gây sốt (non-pyrogenic) (kiểm nghiệm LAL). - Đạt chứng nhận chất lượng CE hoặc FDA , ISO 13485.		
51	Catheter chuyển phôi mềm thông thường	Cái	6.300	1.890	728.000	4.586.400.000	1.375.920.000	- Gồm 3 phần: Ống dẫn hướng, ống chuyển phôi, thanh định hình. - Ống dẫn hướng: + Phần cuối có thể uốn tạo hình + Có 2 vị trí đánh dấu khoảng cách 55 mm và 60 mm + Chiều dài toàn bộ: 210 ± 5 mm + Chiều dài làm việc: 185 ± 5 mm + Đường kính trong/ngoài phần tạo hình: 1,7/1,15 mm + Đường kính trong/ngoài phần còn lại: 1,6/2,6 mm - Ống chuyển phôi: + Màng ở đầu gần để dễ thao tác + Chiều dài toàn bộ: 265 ± 5 mm + Chiều dài làm việc: 230 ± 5 mm + Đường kính trong/ngoài: 0,6/1,0 mm	G7	Thiết bị y tế

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								- Thanh định hình: + Có dạng que kim loại với đặc tính dẻo. + Chiều dài toàn bộ: 235 ± 5 mm + Chiều dài làm việc: 210 ± 5 mm + Đường kính ngoài: 1 mm		
52	Dụng cụ chuyển phôi đầu mềm tiết trùng từng cây	Cái	1.325	375	640.000	848.000.000	240.000.000	- Gồm 2 phần chính: Cây dẫn hướng, cây chuyển phôi. Ngoài ra có thể bổ sung thêm cây định hình cho những ca chuyển phôi khó. - Cây dẫn hướng: + Đầu cây có dạng củ tròn kích thước 3 mm + Chiều dài: 200 ± 2 mm + Đường kính ngoài phần tạo hình: $2,2 \pm 0,05$ mm - Cây chuyển phôi: + Chiều dài: 266 ± 2 mm + Đường kính ngoài phần tạo hình: $1,0 \pm 0,05$ mm + Dung tích: 210 μl - Tiết trùng bằng chiếu xạ	EU	Thiết bị y tế
53	Pipet hút mẫu 1 ml	Chiếc	11.400	3.300	7.800	88.920.000	25.740.000	- Có bông đậy; - Chiều cao tổng : 280 ± 5 mm; - Đường kính ngoài: 5 ± 0.5 mm; - Có vạch chia độ; - Không độc; - Kiểm nghiệm MEA-test, HSSA test, dán dấu CE; - Vật liệu polystyrene được kiểm nghiệm USP cấp VI;	Không yêu cầu	Thiết bị y tế

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								- Không chứa Bisphenol A; - Khử trùng bằng chiếu xạ; sản xuất đóng gói trong phòng sạch. - ISO 13485 hoặc tương đương.		
54	Pipet hút mẫu 10 ml	Chiếc	4.800	1.400	8.600	41.280.000	12.040.000	- Có bông dầy; - Chiều dài tổng : 340 ± 10 mm; - Đường kính ngoài: 10 ± 1 mm - Có vạch chia độ; - Không độc; - Kiểm nghiệm MEA-test, HSSA test; dán dấu CE; - Vật liệu polystyrene kiểm nghiệm USP cấp VI; - Không chứa Bisphenol A; - Khử trùng bằng chiếu xạ; sản xuất đóng gói trong phòng sạch. - ISO 13485 hoặc tương đương.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế
55	Đầu tip 200µl	Chiếc	19.000	5.500	9.720	184.680.000	53.460.000	- Chiều dài $53 \pm 0,5$ mm; đường kính ngoài đầu tip $0,8 \pm 0.05$ mm; đường kính trong đầu tip $0,5 \pm 0.05$ mm. - Thể tích hút lớn nhất 200 µl. - Tương thích rộng rãi với hầu hết các thương hiệu micropipette trên thị trường - Đóng gói tiệt trùng từng cái.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế
56	Ống đồng tinh 1.8ml	Chiếc	6.450	1.900	9.800	63.210.000	18.620.000	- Chất liệu polypropylene, chịu được nhiệt độ -196C.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								- Chiều cao tổng : 45mm ($\pm$ 2 mm); - Đường kính ngoài: 11mm ($\pm$1 mm); - Đáy tròn, sử dụng cho giá hoặc khay đông lạnh. - Có vạch chia và vùng viết thông tin màu trắng; - Không độc, không gây sốt; - Kiểm nghiệm MEA-test, HSSA test, dán dấu CE; - Không chứa Bisphenol A; - Tiệt trùng bằng chiếu xạ; sản xuất đóng gói trong phòng sạch; - ISO 13485 hoặc tương đương.		
57	Kim tách trứng mềm	Cái	11.560	3.460	104.000	1.202.240.000	359.840.000	- Sử dụng 1 lần dùng thao tác với trứng, blastomer, phôi và tách trứng; - Kiểm nghiệm MEA, nội độc tố LAL; - Chất liệu: Nhựa dẻo y tế để không làm vỡ trứng/phôi, không gây trầy xước bề mặt đĩa; - Phần đầu được cắt thẳng chính xác; - Tương thích với hầu hết các Micropipettors trên thị trường; - Đường kính đầu tip: từ 135 μm đến 145 μm; - Tiệt trùng bằng chiếu xạ Gama; - Không chứa Bisphenol A.	G7	Thiết bị y tế
58	Kim tách trứng	Chiếc	10.500	3.150	91.350	959.175.000	287.752.500	- Chất liệu: Làm từ polymer	G7	Thiết bị y

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
	thường							- y tế chất lượng cao trong điều kiện phòng sạch; - Tổng thể tích: 20-25 μl, tùy thuộc vào kích thước; - Đường kính ngoài gần: 900μm; - Đường kính đầu tip: Từ 125μm đến 600μm; - Kiểm nghiệm MEA-test (>80%) và kiểm nghiệm nội độc tố (<0.05EU, - Tiệt trùng bằng chiếu xạ (SAL): $\leq 10^{-6}$; - ISO 13485, dán dấu CE.		tế
59	Đĩa nuôi phôi liên tục Timelapse	Cái	2.120	600	945.000	2.003.400.000	567.000.000	- Có 16 vi giếng nuôi cấy phôi, đánh số thứ tự, nằm trong 2 khoang; - Có 4 giếng rửa, mỗi giếng chứa được từ 25-30 μl môi trường nuôi cấy; - Dùng trong điều kiện môi trường nuôi cấy không tạo ẩm; - Kích thước: 50mm $\times$ 70 mm ($\pm$ 0,5 mm); - Có nắp đậy, đóng gói riêng lẻ từng cái; - Tiệt trùng bằng tia E- SAL 10^{-6}; - Thử nghiệm độc tố đối với phôi bằng phôi chuột 1 tế bào - tối thiểu 80% túi phôi mở rộng sau 96 giờ. - Tương thích với hệ thống Timelapse EmbryoScope+	Không yêu cầu	Thiết bị y tế
60	Môi trường ly giải mô tinh hoàn	ml	756	225	1.000.000	756.000.000	225.000.000	- Môi trường có độ pH (ở 37 ° C): 7.20-7.70	G7	Thiết bị y tế

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								- Áp suất thẩm thấu [mOsm/kg]: 270 – 310 - Thành phần: NaCl, KCl, KH₂PO₄, MgSO₄.7H₂O, NaHCO₃, CaCl₂.2H₂O, D(+)-Glucose anhydrous, Na-Lactate, Na-Pyruvate, EDTA, Amino Acids, HEPES, , Phenolred; - Hoạt độ collagenase 1000 CDU/ml (Collagen Digestion Units). - Tiệt trùng: SAL≤10⁻³;		
61	Môi trường bảo quản tinh trùng	ml	1.344	403	117.600	158.054.400	47.392.800	- Môi trường đệm HEPES; - pH : 7,2-7,5; - Nội độc tố: < 1,0EU/ml; - Thử nghiệm khả năng sống sót của tinh trùng người: ≥ 50%; - Thành phần: Glucose, Glycerol, Potassium chloride, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Nước tiêm, Magnesium sulphate, Potassium dihydrogen phosphate, Sodium Pyruvate, Calcium lactate.	EU	Thiết bị y tế
62	VOC Pre-filter (Màng tiền lọc cho tủ thao tác)	Cái	84	25	1.318.896	110.787.264	32.972.400	- Độ dày: 8 -12 mm. - Lọc các loại hạt bụi kích thước vừa và lớn và lọc VOC. - Phù hợp với các loại Tủ thao tác K-Systems, Esco hay Thermo.	Không yêu cầu	Không phải thiết bị y tế
63	Pipette chia vạch 1 ml, chiều dài	Cái	1.600	480	9.000	14.400.000	4.320.000	- Thể tích hút 1ml; có vạch chia thể tích ≥ 1.3 ml;	Không yêu cầu	Không phải thiết bị y tế

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
	279mm							- Chất liệu Polystyrene; - Tiệt trùng (SAL): $\leq 10^{-6}$; - Không chứa độc tố gây sốt; - Không chứa enzyme phân hủy DNA/RNA; - Đạt tiêu chuẩn USP Class VI; - Kích thước: + Chiều dài pipet: 277-279.40 mm + Đường kính 4.6-4.7 mm		
64	Pipette chia vạch 10ml, chiều dài 346mm	Cái	3.800	1.000	12.600	47.880.000	12.600.000	- Thể tích hút 10ml - Chất liệu Polystyrene; - Tiệt trùng (SAL): $\leq 10^{-6}$; - Không chứa độc tố gây sốt; - Không chứa enzyme phân hủy DNA/RNA; - Đạt tiêu chuẩn USP Class VI; - Kích thước: + Chiều dài pipet: 338-347 mm + Đường kính 9.6-10.0 mm	Không yêu cầu	Không phải thiết bị y tế
65	Đầu tip không có đầu lọc $\leq 20\mu\text{l}$, chiều dài 40mm	Cái	53.600	16.000	14.200	761.120.000	227.200.000	- Chiều dài: 40mm; - Dải thể tích: 0,1 - 20ul; - Có vạch chia thể tích rõ ràng; - Phù hợp với nhiều loại pipet khác nhau; - Không chứa nội độc tố Pyrogen, Dnase, Rnase, ATP, DNA người, DNA vi khuẩn; - Tiệt trùng, đóng gói riêng từng chiếc.	G7	Không phải thiết bị y tế
66	Đầu tip không có đầu lọc $\leq 200\mu\text{l}$,	Chiếc	207.900	62.300	14.200	2.952.180.000	884.660.000	- Chiều dài: 53mm; - Dải thể tích: 2 - 200ul;	G7	Không phải thiết bị y tế

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
	chiều dài 53mm							- Có vạch chia thể tích rõ ràng; - Phù hợp với nhiều loại pipet khác nhau; - Không chứa nội độc tố Pyrogen, Dnase, Rnase, ATP, DNA người, DNA vi khuẩn; - Tiệt trùng, đóng gói riêng từng chiếc.		
67	Tube trữ đông tinh trùng	Cái	3.900	1.150	13.767	53.690.000	15.831.667	- Vật liệu: Polypropylene; - Chiều cao: 48-49 mm; - Đường kính ngoài: 12,5-12,7 mm; - Thể tích: 1,8 - 2,0 ml; đáy tròn, có ren; - Dạng đứng, ống có chân, có nhân mờ ghi thông tin; - Tiệt trùng, không chứa Dnase và Rnase	Không yêu cầu	Không phải thiết bị y tế
68	Casette chứa cọng rơm chứa phôi 140mm	Cái	38.250	11.450	109.485	4.187.788.500	1.253.599.433	- Chiều dài 140 ± 1 mm; - Chịu được nhiệt độ âm sâu khi trữ lạnh trứng hoặc phôi; - Có nhiều màu sắc khác nhau; - Khả năng chứa cọng trữ phôi: 3 cọng 0,5 ml (không que), 8 cọng 0,25 ml (không que), 3 cọng 90 mm (có que).	Không yêu cầu	Không phải thiết bị y tế
69	Dung dịch khử khuẩn dùng cho sản nhà, bề mặt thiết bị trong Labo	Bình	8	2	7.450.000	59.600.000	14.900.000	- Kiểm nghiệm MEA; - Sử dụng cho sản nhà, bề mặt các thiết bị khác trong Labo; - Không chất độc hại, không cồn, không mùi, mức độ VOC thấp hoặc không tạo VOC trong các thiết bị nuôi	Không yêu cầu	Không phải thiết bị y tế

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								- phôi và trong phòng lab; - Không gây hại da, không để lại vết ô, có thể sử dụng an toàn trong các phòng thí nghiệm kín; - Có khả năng diệt vi khuẩn, nấm (candida), tảo và một số loại virus; trung hòa vi khuẩn gây ra mùi hôi; làm tan vết máu khô.		
70	Dung dịch khử khuẩn, nấm dùng cho tủ ấm CO2 trong phòng IVF (5 lít)	Bình	19	5	8.510.000	161.690.000	42.550.000	- Kiểm nghiệm MEA; - Dùng để khử trùng bề mặt kim loại như tủ CO2, tủ thao tác, các thiết bị trong lab IVF; - An toàn, không độc hại, không cặn, không mùi không gây ảnh hưởng đến phôi trứng; - Không cần pha loãng với nước; - Hiệu quả chống lại virus viêm gan B, HIV, rotavirus, mycobacterium và vi khuẩn, nấm (candida).	Không yêu cầu	Không phải thiết bị y tế
71	Dung dịch khử khuẩn, nấm, VOC, bảo vệ da cho phòng IVF	Bình	27	8	2.075.000	56.025.000	16.600.000	- Kiểm nghiệm MEA và HSSA; - Sử dụng trên bề mặt da tay, làm mềm da, bảo vệ da; - Không mùi, không chứa cặn, không phát tán các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC), không ăn mòn kim loại, không gây ô nhiễm môi trường; - Khử trùng lâu dài, tốc độ bay hơi thấp;	Không yêu cầu	Không phải thiết bị y tế

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								- Diệt khuẩn, diệt nấm, chống lây nhiễm HIV, viêm gan B, viêm gan C, cúm A, Ebola, Herpes, virus cúm (H1N1 / H5N1), Corona.		
72	Đĩa nuôi cấy tế bào cỡ 20x100mm	Cái	3.000	800	27.800	83.400.000	22.240.000	- Kích thước đĩa 100 x 20mm; - Chất liệu: polystyrene; - USP Class VI; - Không chứa độc tố gây sốt. Đạt mức chấp nhận của Endotoxins theo USP là ≤ 0.125 EU/ml hoặc ≤ 5 EU/device; - Bề mặt được xử lý TC để tăng độ bám dính của tế bào; - Tiệt trùng bằng tia gamm: $SAL \leq 10^{-3}$; - Diện tích tăng trưởng: 58.95 cm^2; - Thể tích làm việc: 16 - 17.5 mL.	Không yêu cầu	Không phải thiết bị y tế
73	IVF Trigas 7m3 Cylinder (Bình hỗn hợp khí trộn sẵn dùng để nuôi cấy phôi)	Bình 7m3	128	38	11.178.000	1.430.784.000	424.764.000	Là bình chứa hỗn hợp khí trộn sẵn chuyên dùng để nuôi cấy phôi người. - Thành phần khí trộn và nồng độ: 6%-7% CO₂ ($\pm 0.2\%$), 5% O₂ ($\pm 0.2\%$), cân bằng bởi N₂. - Kích thước vỏ bình: cao 143cm x đường kính ngoài 23cm. - Trọng lượng bình rỗng: 65 kg - Thể tích chứa chất lỏng: 47 lít ($\pm 2\%$) - Dung lượng hỗn hợp khí	Không yêu cầu	Không phải thiết bị y tế

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								trộn sẵn chứa trong bình: 7m3 (2.000psi) - Vỏ bình chứa khí được xử lý tiệt trùng, loại bỏ tối đa tạp chất, đảm bảo độ tinh khiết của khí, giúp ổn định nồng độ hỗn hợp khí trong suốt thời gian sử dụng.		
74	Khí nuôi cấy hỗn hợp	Bình	158	47	10.150.000	1.603.700.000	477.050.000	Bình chứa hỗn hợp khí trộn sẵn chuyên dùng để nuôi cấy phôi người. - Thành phần khí trộn nồng độ: 6% CO2 ($\pm 0.6\%$), 5% O2 ($\pm 0.7\%$), cân bằng bởi N2 hoặc khí trộn nồng độ: 7% CO2 ($\pm 0.7\%$), 5% O2 ($\pm 0.7\%$) cân bằng bởi N2 - Dung lượng hỗn hợp khí trộn sẵn chứa trong bình: 6,8m3 (~2.088psi) - Khí được bơm vào bình ở áp suất 144bar. - Vỏ bình chứa khí được xử lý tiệt trùng bằng công nghệ đặc biệt, loại bỏ tối đa tạp chất, đảm bảo độ tinh khiết của khí, giúp ổn định nồng độ hỗn hợp khí trong suốt thời gian sử dụng. - Có giấy chứng nhận kiểm tra chất lượng nồng độ khí trộn trong từng bình, sử dụng thiết bị kiểm tra nồng độ khí với độ chính xác cao ($\pm 0.12\%$ kết quả đo).	Không yêu cầu	Không phải thiết bị y tế
75	Pasteur pipette tiệt trùng 150mm	Cái	111.000	33.250	13.850	1.537.350.000	460.512.500	- Chất liệu thủy tinh; - Thân trên: OD: 6,5-7,1 mm;	G7	Không phải thiết bị y tế

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								- Đường kính ngoài đầu phun (OD): 1.2mm; - Đường kính trong đầu phun (ID): 0.7mm; - Bề dày thành ống: 0.50-0.53 mm; - Tiệt trùng bằng EO hoặc hơi nước - Có bông nút ở đầu		
76	Tube 15ml đáy nhọn	Cái	37.000	11.000	9.200	340.400.000	101.200.000	- Thể tích ống 15ml; - Chất liệu Polystyrene; - Chất liệu nắp ống Polyethylene, loại vắn; - Bề mặt kỵ nước, trở về mặt sinh học; - Ổn định từ 4 ° C đến 60 ° C; - Ống thiết kế hình nón, phù hợp với hầu hết các máy ly tâm để bàn; - Có thể chịu được lực ly tâm lên đến 1800 rcf; - Các vạch chia theo từng bước tăng dần 0,5 mL; - Không chứa DNase/RNase; - Kích thước (sai số mỗi cái không quá 1 mm): + Chiều cao của ống: 120mm + Đường kính ngoài của ống: 15.5mm; + Chiều dài phần đáy nhọn: 20.3mm; + Đường kính trong của nắp: 19.9mm; + Chiều cao của nắp: 10.4mm.	Không yêu cầu	Không phải thiết bị y tế
77	Bộ bình tạo âm và	Bộ	210	63	4.743.198	996.071.580	298.821.474	Mỗi bộ gồm:	Không	Không phải

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
	màng lọc thay thế cho tủ cấy BT37							- 01 bình: dung tích 125 ml, chất liệu nhựa y tế, có nắp đậy và 03 ống dẫn khí bằng silicone, tiết trùng từng bộ. - 01 màng lọc: kích thước lỗ 0,2µm (± 0.02 µm), tiết trùng từng cái. - Tương thích với tủ nuôi cấy phôi BT37	yêu cầu	thiết bị y tế
78	Bộ bình tạo ẩm và màng lọc thể hệ 2	Cái	24	5	5.445.846	130.700.304	27.229.230	- Mỗi bộ gồm: 01 bình có dung tích 125 ml, chất liệu nhựa y tế, có nắp đậy và ống dẫn khí, tiết trùng từng cái; - Mỗi bình tạo ẩm sẽ kèm theo 1 màng lọc 0,2µm (± 0.02 µm), tiết trùng từng cái. - Tương thích với tủ nuôi cấy phôi BT37 mark II	Không yêu cầu	Không phải thiết bị y tế
79	Dụng cụ trữ phôi trong nitơ lỏng	Bộ	34	10	80.264.450	2.728.991.300	802.644.500	- Dung tích chứa Nitơ: ≤ 47.4 lít - Trọng lượng bình rỗng: ≥ 18 kg - Trọng lượng bình đầy: ≥ 54.6 kg - Chiều cao bình: ≤ 718 mm - Đường kính cổ (miệng) bình: ≤ 127 mm - Đường kính bình: ≤ 508 mm - Chiều cao canister: ≤ 279 mm - Đường kính canister: ≤ 72 mm - Lượng Nitơ dung mỗi ngày: ≤ 0.39 lít - Chất liệu vỏ bình: Nhôm - Bình có cấu trúc gồm 2 lớp	Không yêu cầu	Không phải thiết bị y tế

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								, giữa 2 lớp thành bình có lớp chân không cách nhiệt. - Bình có 10 canister - 10 Bộ phụ kiện (bao gồm 2 cốc nhựa goblet và giá đỡ inox cao/thấp có đáy dạng tròn kín) chia canister của Bình trữ phân thành 02 tầng để tăng gấp đôi dung lượng lưu trữ.		
80	Dụng cụ trữ tinh trong nitơ lỏng	Bộ	6	1	89.177.116,00	535.062.696	89.177.116	- Dung tích chứa Nitơ: ≤ 47.4 lít - Trọng lượng bình rỗng: ≥ 15 kg - Trọng lượng bình đầy: ≥ 54 kg - Chiều cao bình: ≤ 718 mm - Đường kính cổ (miệng) bình: ≤ 127 mm - Đường kính bình: ≤ 508 mm - Lượng Nitơ dung mỗi ngày: ≤ 0.39 lít - Chất liệu vỏ bình: Nhôm - Bình có cấu trúc gồm 2 lớp, giữa 2 lớp thành bình có lớp chân không cách nhiệt. - Bình có 6 giá đỡ - 30 hộp phụ kiện, mỗi hộp có 25 vị trí để cắt các ống mẫu tinh trùng.	Không yêu cầu	Không phải thiết bị y tế
81	Nẹp sọ tròn	Cái	157	47	2.250.000	353.250.000	105.750.000	- Chất liệu Titanium - Nẹp hình tròn có tối thiểu 6 lỗ khoan - Đường kính nẹp tối thiểu 2 cỡ $\varnothing 14,5\text{mm} \pm 5\%$; $\varnothing 22\text{mm} \pm 5\%$	G7	Thiết bị y tế

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								- Bề dày nẹp 0,5mm - Sử dụng vít 1,6mm hoặc 2,0mm - Đạt tiêu chuẩn FDA		
82	Lưới vá sọ titan cỡ 90x90mm	Miếng	2	-	9.875.000	19.750.000	-	- Chất liệu Titanium - Miếng vá khuyết sọ cứng hoa văn ma trận, kích cỡ 90 x 90mm - Dùng hệ thống vít tự khoan đường kính 1,6 mm - Bề dày bản 0,7mm ± 5% - Tiêu chuẩn FDA	G7	Thiết bị y tế
83	Lưới vá sọ titan cỡ 161x187mm	Miếng	2	-	17.500.000	35.000.000	-	- Chất liệu Titanium - Miếng vá khuyết sọ cứng hoa văn ma trận, kích cỡ 161 x 187mm - Dùng hệ thống vít tự khoan đường kính 1,6 mm - Bề dày bản 0,6mm ± 5% - Tiêu chuẩn FDA	G7	Thiết bị y tế
84	Lưới vá sọ titan cỡ 150x150mm	Miếng	2	-	9.201.600	18.403.200	-	- Chất liệu Titanium tinh khiết F-67 - Miếng vá khuyết sọ cứng hoa văn tròn, kích cỡ 150 x 150mm - Dùng hệ thống vít tự khoan đường kính 2,0mm - Bề dày bản 0,8mm ± 5% - Tiêu chuẩn FDA	G7	Thiết bị y tế
85	Vít sọ não	Cái	498	149	307.800	153.284.400	45.862.200	- Chất liệu hợp kim Titanium - Đường kính: 1,6mm/2,0mm chiều dài vít tối thiểu 3 cỡ từ ≤4 đến ≥6mm - Vít tự khoan - Đầu vít hình chữ thập - Đạt tiêu chuẩn FDA	G7	Thiết bị y tế

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
86	Que luồn dưới da sử dụng hỗ trợ đặt Shunt	Cái	8	-	2.300.000	18.400.000	-	- Vật liệu thép -Que luồn dưới da bao gồm 3 thành phần: một trục hình ống với chiều dài 38±10cm và 60±10cm; tay cầm chữ T; và một thanh bịt đầu mũi hình viên đạn. -Chiều dài 60±10 cm hoặc 38±10 cm - Trục hình ống có thể uốn được bằng tay - Đường kính trong ≥3,3mm; đường kính ngoài ≥ 4,8mm	Không yêu cầu	Thiết bị y tế
87	Van dẫn lưu dịch não tủy từ não thất ra ngoài	Cái	33	9	8.403.000	277.299.000	75.627.000	- Van dẫn lưu dịch não tủy từ não thất ra ngoài, bao gồm: - Catheter não thất phủ barium dài 35cm ± 5%, đường kính trong 1,5mm và đường kính ngoài 2,8mm - Bồn nhỏ giọt dung tích 75ml ± 5%, kèm kính lúp - Có 4 thang đo áp lực, có 2 chỉ số đo là mm of Hg hoặc cm of H2O - Túi chứa dịch có thể tháo rời với dung tích ≥ 500 ml. - Có hai vị trí lấy mẫu/tiêm - Có 2 vị trí cố định: treo bằng dây và gắn vào cột - Kích thước băng đo áp lực: 90 mm± 5% x 520 mm ± 5% - Dây dẫn dịch thiết kế không gãy gập, có sọc dễ nhận diện, chiều dài 60 inch. - Có lỗ thông hơi kỵ nước. - Hệ thống van 1 chiều chống trào ngược	Không yêu cầu	Thiết bị y tế

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA.		
88	Dẫn lưu não thất ổ bụng kèm khoang delta chống hiện tượng siphon	Cái	5	1	13.230.000	66.150.000	13.230.000	- Cấu tạo gồm các bộ phận: cổng kết nối với catheter, khoang chứa dịch, van áp lực cố định, khoang delta. - Van có kích thước: $\geq 36\text{mm} \times 13\text{mm} \times 6\text{mm}$ với 3 loại áp lực khác nhau: 1; 1,5 và 2 - Catheter não thất dài $23 \pm 10\text{cm}$, đường kính trong $\geq 1,3\text{mm}$, đường kính ngoài $\geq 2,5\text{mm}$ - Catheter ổ bụng dài $90 \pm 10\text{cm}$, đường kính trong $\geq 1,3\text{mm}$, đường kính ngoài $\geq 2,5\text{mm}$ - Catheter phủ Barium - Màng silicone đàn hồi ở phía trên, phía dưới là chất liệu polypropylene - Khoang Delta kiểm soát hiện tượng siphon	Không yêu cầu	Thiết bị y tế
89	Dẫn lưu não thất ổ bụng có thể điều chỉnh áp lực kèm khoang delta chống hiện tượng siphon	Bộ	2	-	32.850.000	65.700.000	-	- Cấu tạo gồm các bộ phận: cổng kết nối với catheter, khoang chứa dịch, van có thể điều chỉnh áp lực, khoang delta. - Van có kích thước: $\geq 35\text{mm} \times 13\text{mm} \times 7\text{mm}$ - Catheter não thất dài $23 \pm 10\text{cm}$, đường kính trong $\geq 1,3\text{mm}$, đường kính ngoài $\geq 2,5\text{mm}$ - Catheter ổ bụng dài $90 \pm 10\text{cm}$, đường kính trong $\geq 1,3\text{mm}$, đường kính ngoài $\geq 2,5\text{mm}$	Không yêu cầu	Thiết bị y tế

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								mm - Catheter phủ Barium - Van có 5 mức áp lực: 0,5; 1; 1,5; 2; 2,5 - Khoang Delta kiểm soát hiện tượng siphon		
90	Ống nong hỗ trợ phẫu thuật xuất huyết não	Cái	11	3	4.500.000	49.500.000	13.500.000	- Chất liệu: nhựa polycarbonate (PC) hoặc tương đương - Gồm 3 thành phần: một ống ngoài, hai ống trong và một ống có lõi. + Ống ngoài: đường kính trong 15mm, chiều dài tối thiểu 2 cỡ 60mm và 90mm ± 5% + Ống có lõi: đường kính trong 15mm, chiều dài tối thiểu 2 cỡ 60mm và 90mm ± 5%; có lỗ đường kính 2mm cho phép dịch não tủy hoặc máu lòng chảy ra; lõi được thiết kế rỗng cho phép đầu dò điều hướng đi qua. + Ống trong: có 2 đường kính là 4,3mm và 6,3mm ± 5% - Thiết kế hai lòng ống. - Tiệt trùng bằng EO. - Có thang đo trên thành ống.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế
91	Bộ kit xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng giun đũa chó	Test	9.408	2.784	48.300	454.406.400	134.467.200	Dùng để xét nghiệm định tính kháng thể loại IgM kháng Toxocara canis trong huyết thanh hoặc huyết tương người	Không yêu cầu	Thiết bị y tế

dungth.bvbd_TaHuuDung_18:43 07/08/2026

dungth.bvbd_TaHuuDung_18:43 07/08/2026

dungth.bvbd_TaHuuDung_18:43 07/08/2026

dungth.bvbd_TaHuuDung_18:43 07/08/2026